

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THANH TRA

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

Số: 277 /KL-TTr

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG

ĐẾN Số: 7303

Ngày: 08/12/2023

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực việc làm, bảo hiểm thất nghiệp, quản lý NLĐNN làm việc tại Việt Nam của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT N.V.Tùng		X
PCT TT L.A.Quân		
PCT L.K.Nam	X	
PCT N.Đ.Thọ		
PCT H.M.Cường		
CVP N.N.Tú		
PCVP T.H.Kiên	X	
PCVP T.V.Thiện		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
P. XDGCT		
P. VX		
P. NNTNMT		
P. TCNS		
P. NC&KTGS		
P. TH		
P. KSTTHC		
VP BCSD		
BAN TCD		
P. HCTC		
P. QTTV		
CTTĐT		
TTHN & NKTP		

Thực hiện Quyết định số 429/QĐ-TTr ngày 05/10/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBOXH) về thanh tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực việc làm, bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là BHTN), quản lý người lao động nước ngoài (sau đây viết tắt là NLĐNN) làm việc tại Việt Nam của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là UBND thành phố), từ ngày 16/10/2023 đến ngày 13/11/2023, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Sở LĐTBOXH thành phố Hải Phòng, Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là BHXH thành phố) và Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý).

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 27/11/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Bộ LĐTBOXH kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương ảnh hưởng đến việc thực hiện quy định của pháp luật về việc làm, BHTN và NLĐNN làm việc tại Việt Nam

Thành phố Hải Phòng ở hạ lưu hệ thống sông Thái Bình thuộc Đồng bằng sông Hồng, là thành phố trực thuộc Trung ương, trung tâm công nghiệp, cảng biển, đồng thời cũng là trung tâm kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học, thương mại và công nghệ thuộc Vùng duyên hải Bắc Bộ với diện tích 1,562 nghìn km², dân số 2,1 triệu người với 15 đơn vị hành chính cấp huyện, 223 đơn vị hành chính cấp xã; số lao động có việc làm là 1,016 triệu người. Thành phố có trên 38 nghìn doanh nghiệp đăng ký hoạt động, sử dụng gần 510 nghìn người lao động.

2. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND thành phố hoặc được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực việc làm, BHTN và NLĐNN làm việc tại Việt Nam

- Sở LĐTBOXH có Giám đốc, 03 Phó Giám đốc, 08 phòng chuyên môn, Văn phòng, Thanh tra Sở và 09 đơn vị sự nghiệp (Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND thành phố). Sở LĐTBOXH là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về

các lĩnh vực: việc làm; dạy nghề; lao động; tiền lương; tiền công; BHXH bắt buộc; BHTN; an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tệ nạn xã hội (gọi chung là lĩnh vực lao động, người có công và xã hội); các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Sở LĐTBXH. Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 56/QĐ-CT ngày 13/01/2016, ủy quyền cho Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố thực hiện các nội dung: chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu; quyết định việc cho phép nhà thầu được tuyển NLĐNN vào vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam; chấp thuận những vị trí công việc mà người sử dụng lao động được tuyển NLĐNN. Từ ngày 18/9/2023, Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về NLĐNN làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định 152) có hiệu lực, Sở LĐTBXH thực hiện chức năng này.

- Ban Quản lý có Trưởng ban, 03 Phó Trưởng ban, 06 phòng nghiệp vụ và Văn phòng đại diện Ban Quản lý tại các khu công nghiệp, khu kinh tế (Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND thành phố). Ban Quản lý được thành lập theo Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ, là cơ quan trực thuộc UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, các khu công nghiệp tại địa bàn thành phố. Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1014/QĐ-CT ngày 09/5/2018 ủy quyền cho Trưởng ban Quản lý thực hiện việc chấp thuận vị trí công việc được sử dụng NLĐNN đối với doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế; Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng đã ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lao động tại văn bản ủy quyền ngày 20/8/2020. Từ ngày 18/9/2023, Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152 có hiệu lực, Ban Quản lý không thực hiện chức năng này.

- BHXH thành phố có Giám đốc, 04 Phó giám đốc, 9 phòng nghiệp vụ và 15 BHXH cấp huyện. BHXH thành phố là cơ quan trực thuộc BHXH Việt Nam, có chức năng giúp Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT); tổ chức thu, chi chế độ BHTN, quản lý và sử dụng các quỹ: BHXH, BHYT; thanh tra chuyên ngành đóng BHXH, BHTN, BHYT tại địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật và quy định của BHXH Việt Nam (Quyết định số 2355/QĐ-BHXH ngày 16/9/2022 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác quản lý nhà nước về việc làm, BHTN, quản lý NLĐNN làm việc tại Việt Nam của UBND thành phố

1.1. Việc ban hành và hướng dẫn cơ quan, tổ chức tại địa phương thực hiện các quy định của pháp luật và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về việc làm, BHTN và NLĐNN làm việc tại Việt Nam

Trong thời kỳ thanh tra, UBND thành phố đã ban hành các văn bản, chỉ đạo cơ quan tham mưu tại địa phương (Sở LĐTBXH, Ban Quản lý, BHXH thành phố), ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về việc làm, BHTN và NLĐNN làm việc tại Việt Nam (chi tiết tại Phụ lục số 01).

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về việc làm, BHTN và NLĐNN làm việc tại Việt Nam (công tác chỉ đạo của UBND thành phố, việc tổ chức thực hiện của các cơ quan chuyên môn)

UBND thành phố đã chỉ đạo các cơ quan tham mưu tuyên truyền, phổ biến pháp luật về việc làm, BHTN và NLĐNN làm việc tại địa phương, kết quả:

1.2.1. Tại Sở LĐTBXH

- Đã phối hợp với các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương, Tạp chí Lao động và Xã hội thuộc Bộ LĐTBXH đăng tải 16 tin, bài tuyên truyền về Bộ luật Lao động, Luật Việc làm, Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Luật BHXH, BHTN, BHYT, Nghị định 152, đăng 09 bài tuyên truyền về gói tín dụng để giải quyết việc làm tại Tạp chí Lao động và Xã hội và Tạp chí điện tử Lao động và Xã hội. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về việc làm, BHTN và NLĐNN làm việc tại Việt Nam được thực hiện lồng ghép thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, công tác hướng dẫn thực hiện pháp luật cho tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân, thông qua các hội nghị sơ kết, tổng kết.

- Đã chỉ đạo trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBXH tuyên truyền chính sách BHTN với nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin địa chúng; in ấn, cấp phát tờ rơi về chính sách BHTN cho người lao động; đăng tải những nội dung mới về chính sách BHTN trên trang thông tin điện tử của Trung tâm, báo, đài; tổ chức hội nghị tuyên truyền về chính sách BHTN cho các đơn vị, doanh nghiệp tại địa bàn các quận, huyện.

1.2.2. Tại Ban Quản lý

Ban Quản lý đã phổ biến pháp luật cho các đơn vị, doanh nghiệp tại địa bàn thành phố thông qua các hội nghị tập huấn, đã kết hợp tuyên truyền các nội dung về công tác việc làm, BHTN, quản lý và sử dụng NLĐNN làm việc đối với các doanh nghiệp trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụ thể:

- Thông qua các hội nghị gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp (hội nghị tại khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng ngày 16/02/2023; hội nghị tại Khu công nghiệp Vsip ngày 22/03/2023; hội nghị tại khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải ngày 30/3/2023) và hội nghị kết nối hợp tác giữa Đại học Bách khoa Hà Nội với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong khu công nghiệp, khu kinh tế tại thành phố, Ban Quản lý đã giải đáp vướng mắc của các doanh nghiệp về việc làm, BHTN, quản lý và sử dụng NLĐNN làm việc tại Việt Nam.

- Đã ban hành các văn bản tuyên về việc làm, BHTN, quản lý và sử dụng NLĐNN làm việc tại Việt Nam gửi đến các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế tại địa bàn thành phố (Công văn số 3517/BQL-LĐ ngày 17/7/2023 về việc tăng cường truyền thông và thực hiện chính sách, pháp luật

BHXH, BHTN, BHYT, Công văn số 26/BQL-LĐ ngày 05/01/2023 về việc hướng dẫn thực hiện quy định về NLĐNN làm việc tại Việt Nam, Công văn số 4635/BQL-LĐ 18/09/2023 về việc hướng dẫn Nghị định số 70/2023/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 152).

1.2.3. Tại BHXH thành phố

- Đã phối hợp với Báo Hải Phòng, Chuyên đề An ninh Hải Phòng, Cổng Thông tin điện tử Hải Phòng, Cổng Tin tức Hải Phòng, Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Hải Phòng, Báo Điện tử VTC News, Tạp chí BHXH xây dựng các tin, bài truyền thông về chính sách, pháp luật BHTN.

- Phối hợp với Sở LĐTBXH tuyên truyền hướng dẫn người lao động hưởng TCTN (sau đây viết tắt là TCTN) nhận qua tài khoản cá nhân, phối hợp với ngân hàng mở tài khoản cá nhân cho người lao động; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người lao động đang hưởng TCTN đăng ký tham gia BHXH tự nguyện, tham gia BHYT hộ gia đình khi chưa tìm kiếm được việc làm.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành đoàn thể và các cơ quan đơn vị có liên quan tuyên truyền chính sách BHTN thông qua hình thức tổ chức hội nghị, tập huấn.

- Tuyên truyền chính sách BHTN và hướng dẫn người dân, người lao động đăng ký, cài đặt, sử dụng ứng dụng VssID tại “Phiên giao dịch việc làm” do trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBXH và UBND các quận, huyện phối hợp tổ chức.

- Đăng tải tin, bài, ảnh, các đoạn phim ngắn, văn bản hướng dẫn, trả lời câu hỏi của Trung tâm chăm sóc khách hàng, thông tin báo chí, phản ánh hoạt động của BHXH Việt Nam, BHXH thành phố và hoạt động của thành phố trên Cổng Thông tin điện tử BHXH thành phố. Các thông tin được cập nhật kịp thời nhằm phục vụ nhu cầu khai thác thông tin của các tổ chức, cá nhân, người dân.

- Thành lập trang trên mạng xã hội của BHXH thành phố, chỉ đạo, hướng dẫn cán bộ, viên chức, người lao động tăng cường truyền thông trên các trang mạng xã hội Facebook, Zalo, Youtube để tuyên truyền chính sách BHTN.

- Kết quả thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2023 như sau:

+ Đã in và phát 14.513 băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền, tờ rơi, tờ gấp, phướn;

+ Tổ chức 163 hội nghị khách hàng với 5.952 lượt người tham dự;

+ Tổ chức 1.280 cuộc truyền thông nhóm nhỏ đến 11.876 người dân tại địa bàn thành phố;

+ Đăng tải 894 tin, bài trên trên phương tiện thông tin đại chúng và Cổng thông tin điện tử BHXH thành phố, 15 bản tin, phóng sự phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Hải Phòng.

1.3. Việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm tại địa phương

- Thành phố Hải Phòng có 02 trung tâm dịch vụ việc làm là đơn vị sự nghiệp (trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBXH và trung tâm dịch vụ việc làm – đào tạo – xúc tiến đầu tư thuộc Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng).

- UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2751/2014/QĐ-UBND ngày 08/12/2014, Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 ủy quyền cho Sở LĐTBXH cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm đối với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở LĐTBXH đã cấp giấy phép cho 23 doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

- Sở LĐTBXH đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở hoạt động dịch vụ việc làm thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm; tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết; thực hiện các giải pháp quản lý, chỉ đạo đối với trung tâm dịch vụ việc làm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Trung tâm dịch vụ việc làm thường xuyên tổ chức các phiên giao dịch việc làm định kỳ (03 phiên/tháng), các phiên giao dịch lưu động và các phiên giao dịch việc làm chuyên đề nhằm hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động, cơ sở đào tạo nghề kết nối nhu cầu lao động. Đã tổ chức 96 phiên giao dịch với 1.788 lượt doanh nghiệp tham gia tuyển dụng; số lao động được tư vấn, giới thiệu việc làm là 187.817 lượt người.

Kiểm tra hồ sơ cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho 23 đơn vị đăng ký hoạt động dịch vụ việc làm thấy hồ sơ đảm bảo theo quy định.

1.4. Việc quản lý lao động, lao động người nước ngoài, thu thập, phổ biến thông tin thị trường lao động tại địa phương

- Hàng năm, UBND thành phố đã ban hành kế hoạch triển khai cập nhật cơ sở dữ liệu cung, cầu lao động đối với người lao động từ đủ 15 tuổi trở lên. Hệ thống cơ sở dữ liệu thị trường lao động gồm thông tin tình trạng việc làm, thất nghiệp của người lao động và tình hình sử dụng lao động của các đơn vị, doanh nghiệp nhằm phục vụ các cơ quan các cấp quản lý, kết nối cung, cầu lao động tại địa phương.

- Ngày 12/7/2022, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 169/KH-UBND về việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động thành phố Hải Phòng năm 2022.

- UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 06/3/2023 về việc thực hiện Tiêu dự án “Hỗ trợ việc làm bền vững” về quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022; thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động và thông tin nhu cầu tuyển dụng của người sử dụng lao động, trong đó, kế hoạch lồng ghép 2 nội dung về quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và thu thập, cập nhật thông tin tuyển dụng lao động của người sử dụng lao động tại thành phố Hải Phòng năm 2023. Ngoài ra, thông tin thị trường lao động được thường xuyên được cập nhật, phổ biến trên hệ thống thông tin tại sàn

giao dịch việc làm để các doanh nghiệp, người lao động tra cứu, kết nối cung – cầu lao động.

1.5. Việc ủy quyền cho cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý NLĐNN làm việc tại địa phương

Sau khi Nghị định 152 có hiệu lực ngày 15/02/2021, các nhiệm vụ do Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở và Trưởng ban Quản lý nêu tại mục 2 phần I Kết luận này thuộc thẩm quyền của UBND thành phố, tuy nhiên, UBND thành phố chưa ban hành quyết định ủy quyền cho Sở LĐTBXH và Ban Quản lý.

1.6. Việc lập sổ theo dõi về NLĐNN làm việc tại địa phương

Sở LĐTBXH và Ban Quản lý đã lập sổ theo dõi NLĐNN làm việc tại địa phương theo biểu mẫu số 14/PLI ban hành kèm theo Nghị định 152, cập nhật NLĐNN khi có biến động đến hết tháng 10/2023 (đối với Sở LĐTBXH) và đến ngày 18/9/2023 (đối với Ban Quản lý).

1.7. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về việc làm, BHTN, NLĐNN làm việc tại địa phương về Bộ LĐTBXH

1.7.1. Tại Sở LĐTBXH

Sở LĐTBXH đã thực hiện báo cáo định kỳ về việc làm, BHTN, NLĐNN tại địa phương về Bộ LĐTBXH tại phần mềm <http://thongke.molisa.gov.vn>, cụ thể:

- Báo cáo số 55/BC-TTĐVVL ngày 19/7/2021 của Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Phòng báo cáo tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp 6 tháng đầu năm 2021.

- Báo cáo số 04A ngày 13/01/2022 của Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Phòng báo cáo tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp năm 2021.

- Báo cáo số 50/BC-TTĐVVL ngày 18/7/2023 của Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Phòng báo cáo tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp 6 tháng đầu năm 2022.

- Báo cáo số 06/BC ngày 11/01/2023 của Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Phòng báo cáo tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp năm 2022.

- Báo cáo số 94/BC-TTĐVVL ngày 14/7/2023 của Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Phòng báo cáo tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp 6 tháng đầu năm 2023.

- Báo cáo số 504/SLĐTBXH-LĐVL ngày 17/02/2022 về tình hình thực hiện BHTN năm 2022 tại địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Báo cáo số 3304/BC-SLĐTBXH-LĐVL ngày 24/7/2023 về tình hình thực hiện BHTN 6 tháng năm 2023 tại địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Báo cáo số 93/BC-LĐTBXH ngày 14/7/2021 của Sở LĐTBXH báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp quản lý lao động nước ngoài và tình hình NLĐNN tại địa bàn thành phố 6 tháng đầu năm 2021.

- Báo cáo số 07/BC-LĐTBOXH ngày 14/01/2022 của Sở LĐTBOXH báo cáo tình hình quản lý, cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại địa bàn thành phố năm 2021.

- Báo cáo số 139/BC-LĐTBOXH ngày 14/7/2022 của LĐTBOXH báo cáo tình hình quản lý, cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại địa bàn thành phố 6 tháng đầu năm 2022.

- Báo cáo số 06/BC-LĐTBOXH ngày 11/01/2023 của Sở LĐTBOXH báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp quản lý lao động nước ngoài và tình hình NLĐNN tại địa bàn thành phố năm 2022.

- Báo cáo số 188/BC-LĐTBOXH ngày 14/7/2023 của Sở LĐTBOXH báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp quản lý lao động nước ngoài và tình hình NLĐNN tại địa bàn thành phố 6 tháng đầu năm 2023.

1.7.2. Tại Ban Quản lý

- Báo cáo số 2930/BC-QL ngày 16/06/2023 về tình hình sử dụng lao động Việt Nam 6 tháng đầu năm 2023.

- Báo cáo số 4651/BC-QL ngày 19/12/2022 về tình hình sử dụng lao động Việt Nam 6 tháng cuối năm 2022.

- Báo cáo số 1817/BC-QL ngày 10/6/2022 về tình hình sử dụng lao động Việt Nam 6 tháng đầu năm 2022.

- Báo cáo số 3429/BC-QL ngày 12/7/2023 về tình hình NLĐNN 6 tháng đầu năm 2023.

- Báo cáo số 25/BC-QL ngày 05/01/2022 về tình hình NLĐNN năm 2022.

- Báo cáo số 2226/BC-QL ngày 12/7/2022 về tình hình NLĐNN 6 tháng đầu năm 2022.

1.7.3. Tại BHXH thành phố

- Định kỳ hằng tháng, quý, năm BHXH thành phố đã báo cáo UBND thành phố về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về việc thực hiện BHTN.

- Sở LĐTBOXH, Ban Quản lý, BHXH thành phố đã báo cáo đột xuất về việc làm, BHTN, NLĐNN theo quy định.

2. Việc thực hiện các chế độ về BHTN, các chính sách về việc làm

2.1. Thực hiện các chính sách về việc làm

2.1.1. Hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, việc cung ứng và tuyển dụng lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động

- Năm 2022: tổ chức 54 phiên giao dịch việc làm, trong đó 34 phiên thực hiện tại trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBOXH, 03 ngày hội việc làm, 07 phiên tổ chức lưu động tại các quận, huyện, 03 phiên trực tuyến và 07 phiên chuyên đề thu hút 1.126 lượt doanh nghiệp tham gia với nhu cầu tuyển dụng 210.183 lượt người lao động. Kết quả: số lao động được tư vấn là 113.538 lượt người, số lao động được giới thiệu việc làm là 17.587 lượt người.

- Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/9/2023: tổ chức 42 phiên giao dịch việc làm, trong đó 26 phiên tại trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBOXH, 03

ngày hội việc làm, 03 phiên tổ chức lưu động tại các quận, huyện, 10 phiên trực tuyến; thu hút được 662 lượt doanh nghiệp tham gia với nhu cầu tuyển dụng 74.275 lượt người lao động, kết quả: số lao động được tư vấn là 74.333 lượt người; số lao động được giới thiệu việc làm là 15.655 lượt người.

2.1.2. Việc thu thập và quản lý thông tin thị trường lao động

- Thực hiện Thông tư số 01/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/01/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động; Sở LĐTBXH đã chỉ đạo trung tâm dịch vụ việc làm tiên hành thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động tại địa bàn thành phố; điều tra cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động hàng năm.

- Trong thời kỳ thanh tra, trung tâm dịch vụ việc làm đã thu thập và quản lý thông tin thị trường lao động thông qua công thông tin - việc làm của trung tâm dịch vụ việc làm, các trang mạng xã hội, cụ thể:

+ Số lượt đơn vị tuyển dụng: 1.788 lượt đơn vị;

+ Số người lao động có nhu cầu tuyển dụng: 284.516 lượt người.

+ Số người có nhu cầu tìm việc (từ tháng 01/2022 đến tháng 9/2023) 33.242 lượt người.

2.2. Thực hiện các chế độ về BHTN

2.2.1. Chế độ hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm

- Số người lao động được tư vấn, giới thiệu việc làm: 39.024 người.

- Số người lao động có việc làm sau khi được giới thiệu: 879 người.

- Số người lao động 02 lần từ chối việc làm do trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBXH giới thiệu: không.

2.2.2. Chế độ trợ cấp thất nghiệp (sau đây viết tắt là TCTN)

2.2.2.1. Kết quả giải quyết

- Số hồ sơ đề nghị hưởng TCTN đã tiếp nhận: 39.024, trong đó:

+ Số hồ sơ đã được giải quyết: 37.175;

+ Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết: 1.639;

+ Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 210, lý do: không đủ điều kiện hưởng.

- Số người được hưởng TCTN: 37.175, số tiền: 863.918.181.255 đồng.

- Số người tạm dừng hưởng: 1.244, số tiền: 4.804.864.842 đồng.

- Số người chấm dứt hưởng: 1.939, số tiền: 26.565.595.495 đồng.

- Số người chưa nhận tiền TCTN: 0.

- Số người chuyển hưởng đi nơi khác: 53.

- Số người chuyển đến hưởng tại địa phương: 120.

- Kiểm tra 200 hồ sơ hưởng TCTN, 50 hồ sơ tạm dừng hưởng TCTN, 50 hồ sơ chấm dứt hưởng TCTN, 20 hồ sơ chuyển hưởng TCTN đến, 20 hồ sơ chuyển hưởng TCTN đi tại trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBXH:

+ Có 10 thông báo tìm kiếm việc làm ghi chưa đúng và đầy đủ các nội dung trong thông báo hàng tháng về việc tìm kiếm việc làm (không đánh dấu

vào mục tình trạng việc làm hiện nay) theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH (chi tiết tại Phụ lục số 02).

+ Có 10 phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm chưa ghi theo đúng hướng dẫn tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH: phần trình độ đào tạo ghi là “lao động phổ thông” hoặc “phổ thông” (chi tiết tại Phụ lục số 02).

2.2.2.2. Thu hồi TCTN hưởng sai quy định

- Công tác chủ trì/phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để tổ chức thu hồi: Sở LĐTBXH và BHXH thành phố thường xuyên phối hợp rà soát đối tượng đang hưởng TCTN khi có việc làm mới tham gia trở lại BHXH, BHTN, BHYT; Sở LĐTBXH chủ trì thực hiện các biện pháp đôn đốc thu hồi tiền hưởng TCTN sai quy định thông qua các hình thức liên hệ, thông báo cho người lao động và người sử dụng lao động nơi người lao động đang làm việc để phối hợp thu hồi tiền TCTN hưởng sai quy định.

- Số người hưởng TCTN sai quy định đến thời điểm ngày 31/12/2021: 02, số tiền phải thu hồi: 14.500.000 đồng.

- Số người hưởng TCTN sai quy định phát sinh từ 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 213, số tiền phải thu hồi: 1.353.335.915 đồng.

- Số người hưởng TCTN sai quy định đã thu hồi từ 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 213, số tiền đã thu hồi: 1.353.335.915 đồng.

- Số người hưởng TCTN sai quy định còn phải thu hồi tiền TCTN: 02, số tiền còn phải thu hồi: 14.500.000 đồng, cụ thể:

STT	Họ và tên	Số sổ BHXH	Số tiền TCTN hưởng sai quy định (đồng)	Số tiền đã thu hồi (đồng)	Số tiền còn phải thu hồi (đồng)	Lý do hưởng TCTN sai quy định	Trách nhiệm tổ chức thu hồi
1	Phạm Văn Quân	7912062250	12.000.000	6.000.000	6.000.000	Có việc làm nhưng không thông báo theo quy định	Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng
2	Nghiêm Thị Hồng Diệp	3109065670	9.828.000	1.328.000	8.500.000		

2.2.3. Chế độ hỗ trợ học nghề (sau đây viết tắt là HTHN)

- Thời gian hỗ trợ học nghề theo thời gian học nghề thực tế nhưng không quá 06 tháng; mức hỗ trợ không vượt quá 4.500.000 đồng/người/khóa học nghề có thời gian đào tạo nghề đến 03 tháng, không vượt quá 1.500.000 đồng/người/tháng với khóa đào tạo nghề trên 03 tháng.

- Kết quả giải quyết:

+ Số hồ sơ đề nghị HTHN đã tiếp nhận: 1.533;

+ Số hồ sơ HTHN đã được giải quyết: 1.496;

+ Số hồ sơ HTHN đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết: 37;

+ Số hồ sơ HTHN bị từ chối giải quyết: 0.

- Số tiền HTHN đã chi: 5.338.800.000 đồng.
- Số tiền chưa chi: 0.
- Số quyết định hủy quyết định hưởng HTHN: 268 quyết định, lý do hủy hưởng: người lao động không còn nhu cầu học nghề, đã tìm được việc làm, không tham gia khoá học nghề.

- Thu hồi HTHN hưởng sai quy định:

+ Số người hưởng chế độ HTHN sai quy định phải thu hồi: 15, số tiền là 20.500.000 đồng (08 người học nghề tại Trường trung cấp khu kinh tế Hải Phòng khi không còn chức năng đào tạo nghề sơ cấp theo Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của UBND thành phố Hải Phòng, số tiền phải thu hồi 12.000.000 đồng; 07 người chỉ học 1-2 ngày, Trường Cao đẳng Lao động-Xã hội Hải Phòng đã đề nghị trả lại tiền HTHN của 07 học viên với số tiền 8.500.000 đồng theo biên bản họp giữa Sở LĐTBXH, BHXH thành phố, trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBXH và Trường Cao đẳng Lao động-Xã hội Hải Phòng ngày 12/7/2022).

+ Số tiền HTHN đã thu hồi: 20.500.000 đồng;

+ Số tiền HTHN còn phải thu hồi: 0.

2.2.4. Chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động: không phát sinh.

3. Việc thực hiện pháp luật về NLĐNN làm việc tại Việt Nam

3.1. Công tác chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương

3.1.1. Việc ủy quyền thực hiện chấp thuận nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương

Sở LĐTBXH và Ban Quản lý được ủy quyền thực hiện chấp thuận nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương như đã nêu tại điểm 1.5, mục 1 phần II Kết luận này.

3.1.2. Công tác chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN

3.1.2.1. Tại Sở LĐTBXH

- Trong thời kỳ thanh tra có 1.294 lượt cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp gửi văn bản giải trình nhu cầu/ thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với 5.493 vị trí công việc, cụ thể:

Số vị trí theo văn bản đề nghị				
Tổng số	Nhà quản lý	Giám đốc điều hành	Chuyên gia	Lao động kỹ thuật
5.493	332	684	925	3.552

- Sở LĐTBXH đã ban hành 1.294 văn bản chấp thuận 5.493 vị trí được sử dụng NLĐNN, không có trường hợp không chấp thuận vị trí sử dụng NLĐNN, cụ thể:

Số vị trí được chấp thuận				
Tổng số	Nhà quản lý	Giám đốc điều hành	Chuyên gia	Lao động kỹ thuật
5.493	332	684	925	3.552

- Số văn bản đề nghị xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp giấy phép lao động: 35 văn bản với 35 NLĐNN. Số NLĐNN được Sở LĐTBXH xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động: 35.

- Số NLĐNN không thuộc diện cấp giấy phép lao động và không thuộc trường hợp phải làm thủ tục xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động: 52 người (người sử dụng lao động đã gửi 52 thông báo đến Sở LĐTBXH).

- Kiểm tra hồ sơ chấp thuận vị trí sử dụng NLĐNN lưu tại Sở LĐTBXH: 358 hồ sơ có văn bản đề nghị xác định nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với từng vị trí công việc không đảm bảo trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLĐNN (chi tiết tại Phụ lục số 03a).

3.1.2.2. Tại Ban Quản lý

a) Từ ngày 01/9/2021 đến ngày 18/9/2023 có 1.483 lượt cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp gửi văn bản giải trình nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với 8.687 vị trí công việc sử dụng NLĐNN, cụ thể:

Số vị trí theo văn bản đề nghị				
Tổng số	Nhà quản lý	Giám đốc điều hành	Chuyên gia	Lao động kỹ thuật
8.687	439	1.226	2.122	4.900

- Ban Quản lý đã ban hành 1.483 văn bản chấp thuận 8.687 vị trí được sử dụng NLĐNN, không có trường hợp không chấp thuận vị trí sử dụng NLĐNN, cụ thể:

Số vị trí được chấp thuận				
Tổng số	Nhà quản lý	Giám đốc điều hành	Chuyên gia	Lao động kỹ thuật
8.687	439	1.226	2.122	4.900

- Đã ban hành 03 văn bản xác nhận đối với 03 NLĐNN không thuộc diện cấp giấy phép lao động (01 NLĐNN là thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên, 02 NLĐNN là người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại).

- Đã tiếp nhận 103 thông báo của người sử dụng NLĐNN đối với 106 NLĐNN không phải xác nhận trường hợp không phải cấp giấy phép lao động (59 NLĐNN kết hôn với người Việt Nam và sinh sống tại lãnh thổ Việt Nam, 02 NLĐNN chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại, 11 NLĐNN là thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở

lên hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên, 34 NLĐNN thực hiện theo điểm a, khoản 4 Mục III Nghị quyết số 105/2021/NQ-CP ngày 09/09/2021 của Chính phủ).

b) Kết quả kiểm tra hồ sơ chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại Việt Nam tại Ban Quản lý:

- Có 02 văn bản giải trình nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN của người sử dụng lao động không có lý do sử dụng NLĐNN theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 152 nhưng Ban Quản lý vẫn chấp thuận (các văn bản số 1812/VINFAST ngày 01/8/2022 của Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh VINFAST, số PVN- 202208-022 ngày 02/8/2022 của Công ty TNHH PEGATRON VIỆT NAM).

- Có 06 trường hợp người sử dụng lao động gửi báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng NLĐNN không đảm bảo trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLĐNN theo quy định tại khoản 1 khoản 4 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 03b).

3.1.3. Công tác chỉ đạo cơ quan, tổ chức tại địa phương giới thiệu, cung ứng lao động Việt Nam cho nhà thầu

Trong thời kỳ thanh tra, tại thành phố Hải Phòng có 02 nhà thầu có nhu cầu sử dụng lao động gồm: Liên danh Penta - Toa, thực hiện Thầu chính gói thầu số 6 thuộc hợp phần A - Dự án đầu tư xây dựng Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Lạch Huyện) - Giai đoạn khởi động, tại Cảng Lạch Huyện (sau đây gọi là nhà thầu số 01) và Công ty Techcross water và Energy Inc - Hàn Quốc, là nhà thầu chính thuộc Dự án LG Display Hải Phòng tại Lô E khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là nhà thầu số 02); tuy nhiên, không có hoạt động chỉ đạo giới thiệu, cung ứng lao động Việt Nam cho nhà thầu của các cơ quan có thẩm quyền thuộc thành phố Hải Phòng.

3.1.4. Việc xem xét, quyết định việc nhà thầu được tuyển NLĐNN vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam

3.1.4.1. Tại Sở LĐTBXH:

- Nhà thầu số 01 đã tuyển dụng NLĐNN vào làm việc tại Việt Nam với 01 vị trí công việc là lao động kỹ thuật.

- Nhà thầu số 02 đã tuyển dụng NLĐNN vào làm việc tại Việt Nam với 11 vị trí công việc (09 chuyên gia, 02 lao động kỹ thuật).

Tại thời điểm thanh tra, các nhà thầu đã kết thúc gói thầu, NLĐNN đã kết thúc hợp đồng lao động về nước.

Kiểm tra hồ sơ cho phép các nhà thầu được tuyển NLĐNN vào các vị trí công việc không tuyển được lao động Việt Nam lưu tại Sở LĐTBXH: 02 nhà thầu không thực hiện kê khai số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của NLĐNN cần tuyển để thực hiện gói thầu tại Việt Nam và đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển NLĐNN theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định 152 mà thực hiện giải trình nhu

cầu sử dụng lao động nước ngoài theo Mẫu số 01 và được Sở LĐTBXH chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài.

3.1.4.2. *Tại Ban Quản lý*: không phát sinh.

3.1.5. *Việc kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của pháp luật đối với NLĐNN tại gói thầu do nhà thầu trúng thầu tại địa bàn thực hiện*: không phát sinh.

3.2. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động (từ ngày 01/09/2021 đến ngày 30/9/2023 đối với Sở LĐTBXH, từ ngày 01/09/2021 đến ngày 18/9/2023 đối với Ban Quản lý)

3.2.1. *Cấp giấy phép lao động*

3.2.1.1. *Tại Sở LĐTBXH*

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 4.472.
- Số người đã được cấp giấy phép lao động: 4.472.
- Số hồ sơ quá thời hạn giải quyết: 0.
- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 0.

3.2.1.1 *Tại Ban Quản lý*

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 5.252.
- Số người đã được cấp giấy phép lao động: 5.130.
- Số hồ sơ quá thời hạn giải quyết: 0.
- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 122, lý do: không đủ điều kiện giải quyết.

3.2.2. *Cấp lại giấy phép lao động*

3.2.2.1. *Tại Sở LĐTBXH*

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 277.
- Số người đã được cấp lại giấy phép lao động: 277.
- Số hồ sơ quá thời hạn giải quyết: 0.
- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 0.

3.2.2.2. *Tại Ban Quản lý*

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 237.
- Số người đã được cấp lại giấy phép lao động: 231.
- Số hồ sơ quá thời hạn giải quyết: 0.
- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 6, lý do: không đủ điều kiện giải quyết.

3.2.3. *Gia hạn giấy phép lao động*

3.2.3.1. *Tại Sở LĐTBXH*

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 806.
- Số người đã được cấp gia hạn giấy phép lao động: 806 người.
- Số hồ sơ quá thời hạn giải quyết: 0.
- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 0.

3.2.3.2. Tại Ban Quản lý

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 817.
- Số người đã được cấp gia hạn giấy phép lao động: 802.
- Số hồ sơ quá thời hạn giải quyết: 0.
- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 15, lý do: hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.

3.2.4. Số giấy phép lao động bị thu hồi, lý do

3.2.4.1. Tại Sở LĐTBXH

- Số giấy phép lao động phải thu hồi trong thời kỳ thanh tra: Sở chưa thống kê, theo dõi số giấy phép lao động hết hiệu lực phải thu hồi.
- Số giấy phép đã thu hồi: 762 giấy phép lao động hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 156 Bộ luật Lao động (giấy phép lao động hết thời hạn và chấm dứt hợp đồng lao động), người sử dụng lao động đã thu hồi và nộp lại cho Sở LĐTBXH.

3.2.4.2. Tại Ban Quản lý

Tổng số giấy phép lao động hết hiệu lực, phải thu hồi: 2.479, lý do thu hồi giấy phép lao động hết thời hạn, NLĐNN chấm dứt hợp đồng lao động.

- Số giấy phép lao động đã thu hồi 2.479.
- Số giấy phép lao động chưa thu hồi: 0.

3.2.5. Kết quả kiểm tra hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động (5.555 hồ sơ tại Sở LĐTBXH, 6.163 hồ sơ tại Ban Quản lý)

3.2.5.1. Hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động tại Sở LĐTBXH:

+ Có 806 hồ sơ cấp giấy phép lao động thể hiện người nộp hồ sơ đề nghị không đảm bảo trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày NLĐNN dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 04).

+ Có 70 hồ sơ có vị trí công việc là giám đốc điều hành nhưng chức danh công việc ghi tại giấy phép lao động không phải người đứng đầu và trực tiếp điều hành đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 05).

+ Chấp thuận và cấp giấy phép lao động, xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho 10 NLĐNN làm việc tại các đơn vị, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc làm việc cho các tổ chức quốc tế là chưa đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định 152 và điểm a khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 06).

+ Có 16 hồ sơ cấp giấy phép lao động thiếu thành phần hồ sơ (lý lịch tự pháp, giấy tờ chứng minh kinh nghiệm, thiếu bằng thạc sĩ dành cho giảng viên đại học, thiếu giấy tờ chứng minh là giám đốc điều hành, giấy khám sức khỏe) theo quy định tại Điều 9 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 07).

+ Có 10 hồ sơ cấp giấy phép lao động có vị trí công việc, địa điểm làm việc, chức danh công việc không đúng với vị trí công việc, địa điểm làm việc, chức danh công việc tại văn bản chấp thuận, người sử dụng lao động không báo cáo thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nhưng Sở LĐTBXH vẫn cấp giấy phép lao động cho NLĐNN (chi tiết tại Phụ lục số 08a và 08b).

+ Có 46 văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động không ghi thời hạn làm việc, quá trình đào tạo và quá trình làm việc của NLĐNN tại Việt Nam theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo khoản 1 Điều 13 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 09).

+ Có 06 giấy phép lao động ghi thời hạn làm việc không đúng với thời hạn làm việc tại văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động của doanh nghiệp (chi tiết tại Phụ lục số 10).

+ Có 04 hồ sơ gia hạn giấy phép lao động thể hiện giấy phép lao động đã được cấp còn thời hạn quá 45 ngày nhưng vẫn được cấp gia hạn (chi tiết tại Phụ lục số 11).

+ Có 551 hồ sơ cấp, gia hạn giấy phép lao động không có hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động cho Sở LĐTBXH để thực hiện kiểm tra, đối chiếu với giấy phép lao động, Sở LĐTBXH không yêu cầu người sử dụng lao động gửi hợp đồng lao động sau khi ký kết với người lao động (chi tiết tại Phụ lục số 12).

3.2.5.2. Hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động tại Ban Quản lý:

+ Từ ngày 01/9/2021 đến ngày 31/5/2022, văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động của người sử dụng lao động không sử dụng Mẫu 11 ban hành kèm theo khoản 3 Điều 5 Nghị định 152 (sử dụng Mẫu số 07 ban hành kèm theo khoản 1 Điều 6 Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ LĐTBXH).

+ Có 06 trường hợp người sử dụng lao động gửi báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng NLĐNN không đảm bảo trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLĐNN (chi tiết tại Phụ lục số 03b)

+ Có 185 hồ sơ cấp, gia hạn giấy phép lao động thể hiện: người sử dụng lao động chưa gửi hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động cho Ban Quản lý để thực hiện kiểm tra, đối chiếu với giấy phép lao động mặc dù Ban Quản lý đã ban hành Văn bản số 2892/BQL-LĐ ngày 06/7/2021, số 26/BQL-LĐ ngày 05/01/2023 yêu cầu người sử dụng NLĐNN gửi hợp đồng lao động (văn bản yêu cầu không ghi thời hạn doanh nghiệp phải gửi hợp đồng lao động) (chi tiết tại Phụ lục số 13).

+ Có 756 hồ sơ cấp giấy phép lao động thể hiện người nộp hồ sơ đề nghị chưa đảm bảo trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày NLĐNN dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam (chi tiết tại Phụ lục số 14).

+ Có 68 giấy phép lao động ghi vị trí công việc là giám đốc điều hành nhưng chức danh công việc ghi tại giấy phép lao động không phải người đứng

đầu và trực tiếp điều hành đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (chi tiết tại Phụ lục số 15).

3.3. Việc thực hiện theo quy định pháp luật về BHXH bắt buộc, BHYT đối với NLĐNN

3.3.1. Đối với các doanh nghiệp sử dụng NLĐNN tại thành phố Hải Phòng

- Số NLĐNN thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, BHYT: 4.480 người.
- Số người đã tham gia BHXH bắt buộc, BHYT: 4.480 người (trong đó: 116 người chỉ phải tham gia BHYT).
- Số người chưa tham gia: 0 người.
- Số tiền phải đóng cho cơ quan BHXH trong kỳ thanh tra: 182.148.871.938 đồng; số tiền đã đóng: 180.644.224.297 đồng.
- Tại thời điểm thanh tra, có 34 đơn vị sử dụng lao động nước ngoài chậm đóng tiền BHXH bắt buộc, BHYT với tổng số tiền chậm đóng là 1.504.647.641 đồng (chi tiết tại Phụ lục số 16).

3.3.2. Đối với 10 doanh nghiệp được thanh tra: (Công ty TNHH Regina Miracle International Việt Nam, Công ty TNHH Công nghệ Amtran Việt Nam, Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam), Công ty TNHH Pihong Việt Nam, Công ty Cổ phần Paishing Việt Nam, Công ty TNHH công nghiệp chính xác Eva Hải Phòng, Công ty TNHH Lite on Việt Nam, Công ty TNHH Maple, Công ty TNHH H&T Intelligent Control (Việt Nam), Công ty TNHH Lianyue (Việt Nam)) có sử dụng NLĐNN:

- Có 03 doanh nghiệp tham gia đóng BHXH bắt buộc, BHYT cho 28 NLĐNN không thuộc diện phải tham gia BHXH bắt buộc, BHYT theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ, cụ thể:

+ Tại Công ty TNHH Lite On Việt Nam: 02 NLĐNN thời hạn của hợp đồng lao động đã giao kết không đủ 1 năm: ông Zhou Shi Hui, thời gian làm việc từ ngày 31/3/2023 đến ngày 01/01/2024 và ông Deng Cong Jun thời gian làm việc từ ngày 31/3/2023 đến ngày 15/01/2024.

+ Tại Công ty Cổ phần Paishing Việt Nam: 01 lao động là Lam Ming Yau sinh ngày 06/12/1973, số hộ chiếu K05855887 là thành viên hội đồng quản trị công ty cổ phần có giá trị góp vốn 10.224.000.000 đồng, không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

+ Tại Công ty TNHH Regina Miracle International Việt Nam: 25 NLĐNN kết hôn với người Việt Nam và sinh sống tại lãnh thổ Việt Nam, không thuộc diện cấp giấy phép lao động và không thuộc trường hợp có chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp.

- Có 01 doanh nghiệp (Công ty TNHH Maple) sử dụng lao động NLĐNN không đúng với nội dung ghi tại giấy phép lao động. Đoàn thanh tra đã lập biên bản vi phạm hành chính và trình Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH ban hành Quyết định số 57/QĐ-XPHC ngày 06/11/2023 xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 15.000.000 đồng.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc làm, BHTN, NLĐNN làm việc tại địa phương

4.1. Công tác thanh tra

4.1.1. Tại Sở LĐTBXH

- Số cuộc thanh tra đã tiến hành/số cuộc theo kế hoạch: 54/54 cuộc tại 54 đơn vị sử dụng lao động (nội dung về BHTN được lồng ghép trong các cuộc thanh tra việc chấp hành pháp luật lao động tại doanh nghiệp, Sở LĐTBXH chưa tiến hành thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật NLĐNN làm việc tại Việt Nam).

- Số cuộc thanh tra đột xuất: 0.

- Số sai phạm đã phát hiện: 235, trong đó không có sai phạm về việc làm, BHTN, NLĐNN làm việc tại Việt Nam.

- Số sai phạm đã kiến nghị: 235.

- Tình hình thực hiện kiến nghị sau thanh tra: các doanh nghiệp đã thực hiện 235 kiến nghị.

4.1.2. Tại Ban Quản lý: không có chức năng thực hiện.

4.1.3. Tại BHXH thành phố

- Số cuộc thanh tra đã tiến hành/số cuộc theo kế hoạch: 461 cuộc, tại 461 đơn vị sử dụng lao động.

- Số cuộc thanh tra đột xuất: 235, tại 235 đơn vị sử dụng lao động.

- Số sai phạm về BHTN đã phát hiện: 260.

- Số sai phạm về BHTN đã kiến nghị: 260 kiến nghị.

- Tình hình thực hiện kiến nghị sau thanh tra: đơn vị sử dụng lao động đã thực hiện 260 kiến nghị.

4.2. Công tác kiểm tra

4.2.1. Tại Sở LĐTBXH

- Số cuộc kiểm tra đã tiến hành/số cuộc theo kế hoạch: 108/108 cuộc.

- Số cuộc kiểm tra đột xuất: 0.

- Số sai phạm về BHTN đã phát hiện: 125.

- Số sai phạm về BHTN đã kiến nghị: 125.

- Tình hình thực hiện kiến nghị: đối tượng kiểm tra đã thực hiện 125/125 kiến nghị.

4.1.2. Tại Ban Quản lý: không phát sinh.

4.1.3. Tại BHXH thành phố

- Số cuộc kiểm tra đã tiến hành: 327.

- Số sai phạm về BHTN đã phát hiện: 53.

- Số sai phạm về BHTN đã kiến nghị: 53.

- Số kiến nghị đã được thực hiện: 53/53.

4.3. Công tác xử lý vi phạm về việc làm, BHTN và NLĐNN làm việc tại địa phương

4.3.1. Tại Sở LĐTBXH

- Trong thời kỳ thanh tra, viên chức tại Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBXH đã lập biên bản vi phạm hành chính, chuyển Thanh tra Sở LĐTBXH xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với 110 người lao động vì đã có hành vi “đang hưởng trợ cấp thất nghiệp không thông báo theo quy định với Trung tâm dịch vụ việc làm khi có việc làm”, số tiền xử phạt là 160.000.000 đồng.

- Tình hình thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính: đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính đã nộp 160.000.000 đồng/160.000.000 đồng.

- Tình hình thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: không phát sinh.

4.1.2. Tại Ban Quản lý: không phát sinh.

4.1.3. Tại BHXH thành phố

- Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính /số tiền xử phạt: 22 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền xử phạt là 522.621.583 đồng, trong đó:

+ Giám đốc BHXH thành phố ban hành 20 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 210.621.583 đồng (03 quyết định xử phạt vi phạm về hành vi chậm đóng BHXH, BHTN với số tiền 118.621.583 đồng);

+ Chủ tịch UBND thành phố ban hành 02 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 312.000.000 đồng (trong đó có nội dung xử phạt về hành vi chậm đóng BHXH, BHTN với số tiền 300.000.000 đồng).

- Kiểm tra việc xử lý vi phạm về BHTN tại 200 hồ sơ thanh tra, kiểm tra tại BHXH thành phố:

+ Đoàn thanh tra không lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của Giám đốc BHXH thành phố theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ (chi tiết tại Phụ lục số 17a).

+ Đoàn thanh tra không lập biên bản vi phạm hành chính để chuyển tới người có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt của Giám đốc BHXH thành phố theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ (chi tiết tại Phụ lục số 17b).

- Tình hình thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Có 19 đơn vị đã thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Giám đốc BHXH thành phố với tổng số tiền đã nộp phạt 129.283.373 đồng, còn 01 đơn vị (Công ty TNHH Seongho Tech Vina) chưa nộp 81.338.210 đồng tiền phạt vi phạm hành chính. Tại thời điểm thanh tra, mặc dù đã hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng BHXH thành phố chưa ban hành quyết định cưỡng chế đối với Công ty TNHH Seongho Tech Vina.

Lý do: Ngày 12/12/2022, BHXH thành phố đã ban hành Công văn số 2801/BHXH-TTKT gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hải Phòng đề nghị cung cấp thông tin tài khoản ngân hàng của đơn vị sử dụng lao động đăng ký giao dịch để thực hiện cưỡng chế vi phạm hành chính theo quy định, tuy nhiên Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hải Phòng chưa đồng ý cung cấp thông tin về tài khoản của đơn vị sử dụng lao động (Công văn số 1733/HAP-TTGS ngày 23/12/2022 của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hải Phòng).

+ Có 02 đơn vị chưa thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thành phố với số tiền 312.000.000 đồng (Công ty CP Xây dựng Đầu tư phát triển Bạch Đằng 15 và Công ty CP Bạch Đằng Thăng Long). Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành quyết định cưỡng chế đối với 02 đơn vị nêu trên.

4.4. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc làm, BHTN và NLĐNN làm việc tại địa phương: không phát sinh.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về việc làm, BHTN và NLĐNN làm việc tại Việt Nam đã được UBND thành phố và các cơ quan chuyên môn thực hiện

1.1. UBND thành phố

- Đã ban hành các văn bản, chỉ đạo cơ quan tham mưu tại địa phương (Sở LĐTBXH, Ban Quản lý, BHXH thành phố) và ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về việc làm, BHTN và NLĐNN làm việc tại Việt Nam.

- Đã chỉ đạo các cơ quan tham mưu tuyên truyền, phổ biến pháp luật về việc làm, BHTN và NLĐNN làm việc tại địa phương.

- Đã ban hành kế hoạch triển khai cập nhật cơ sở dữ liệu cung, cầu lao động đối với người lao động từ đủ 15 tuổi trở lên theo Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 12/7/2022 của UBND thành phố về việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động.

1.2. Sở LĐTBXH

- Đã phối hợp với các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương, Tạp chí Lao động và Xã hội thuộc Bộ LĐTBXH tuyên truyền, phổ biến về Bộ luật Lao động, Luật Việc làm, Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Luật BHXH, BHTN, BHYT, Nghị định 152.

- Đã chỉ đạo trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBXH thực hiện tuyên truyền chính sách BHTN với nhiều hình trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở hoạt động dịch vụ việc làm thực hiện tổ chức cung ứng, giới thiệu việc làm cho người lao động và người sử dụng lao động.

- Đã lập sổ theo dõi NLĐNN làm việc tại địa phương theo biểu mẫu số 14/PLI ban hành kèm theo Nghị định 152 đến hết tháng 10/2023, công tác cập nhật NLĐNN được thực hiện thường xuyên khi có biến động.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về việc làm, BHTN, NLĐNN tại địa phương về Bộ LĐTBXH trên phần mềm <http://thongke.molisa.gov.vn> và báo cáo đột xuất về việc làm, BHTN, NLĐNN khi có yêu cầu.

1.3. Ban Quản lý

- Đã phổ biến, tuyên truyền pháp luật cho các đơn vị, doanh nghiệp về việc làm, BHTN, quản lý và sử dụng NLĐNN làm việc đối với các doanh nghiệp trong các khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Đã lập sổ theo dõi NLĐNN làm việc tại địa phương theo biểu mẫu số 14/PLI ban hành kèm theo Nghị định 152 đến ngày 18/9/2023, công tác cập nhật NLĐNN được thực hiện thường xuyên khi có biến động.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình sử dụng lao động Việt Nam và lao động nước ngoài theo quy định.

1.4. BHXH thành phố

- Đã phối hợp với Báo Hải Phòng, Chuyên đề An ninh Hải Phòng, Cổng Thông tin điện tử Hải Phòng, Cổng Tin tức Hải Phòng, Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Hải Phòng, Báo Điện tử VTC News, Tạp chí BHXH xây dựng các tin, bài truyền thông về chính sách, pháp luật BHTN.

- Đã phối hợp với Sở LĐTBXH tuyên truyền hướng dẫn người lao động hưởng TCTN nhận qua tài khoản cá nhân, phối hợp với ngân hàng mở tài khoản cá nhân cho người lao động; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người lao động đang hưởng TCTN đăng ký tham gia BHXH tự nguyện, tham gia BHYT hộ gia đình khi chưa tìm kiếm được việc làm.

- Đã tuyên truyền chính sách BHTN và hướng dẫn người dân, người lao động đăng ký, cài đặt, sử dụng phần mềm bảo hiểm xã hội VssID tại “Phiên giao dịch việc làm” do trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBXH và UBND các quận, huyện phối hợp tổ chức.

- Đã đăng tải tin, bài, ảnh, các đoạn phim ngắn, văn bản hướng dẫn, trả lời câu hỏi của Trung tâm chăm sóc khách hàng, thông tin báo chí, phản ánh hoạt động của BHXH Việt Nam, BHXH thành phố và hoạt động của thành phố trên Cổng Thông tin điện tử BHXH thành phố.

- Đã báo cáo định kỳ và đột xuất về UBND cùng cấp về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về việc thực hiện BHTN.

2. Những quy định của pháp luật về việc làm, BHTN, NLĐNN làm việc tại Việt Nam chưa được UBND thành phố và các cơ quan chuyên môn thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ.

2.1. UBND thành phố

Sau khi Nghị định 152 có hiệu lực ngày 15/02/2021, các nhiệm vụ do Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở LĐTBXH tại Quyết định số

56/QĐ-CT ngày 13/01/2016, ủy quyền cho Trưởng Ban Quản lý tại Quyết định số 1014/QĐ-CT ngày 09/5/2018 thuộc thẩm quyền của UBND thành phố, tuy nhiên, UBND thành phố chưa ban hành quyết định ủy quyền cho Sở LĐTBXH, Ban Quản lý để đảm bảo tính pháp lý cho việc Ban Quản lý tiếp tục thực hiện việc chấp thuận vị trí công việc được sử dụng NLĐNN đối với doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế; Sở LĐTBXH thành phố tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ: chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu; quyết định việc cho phép nhà thầu được tuyển NLĐNN vào vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam, chấp thuận những vị trí công việc mà người sử dụng lao động được tuyển NLĐNN.

2.2. Sở LĐTBXH thành phố

Các hồ sơ lưu tại Sở LĐTBXH thành phố cho thấy có tài liệu, hồ sơ, quy trình, thủ tục chưa đảm bảo quy định của pháp luật, cụ thể:

2.2.1. Có 10 thông báo tìm kiếm việc làm ghi chưa đúng và đầy đủ các nội dung trong thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm (không tích vào mục tình trạng việc làm hiện nay) theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo khoản 16 Điều 19 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH (chi tiết tại Phụ lục số 02).

2.2.2. Có 10 phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm chưa ghi theo đúng hướng dẫn theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo khoản 1 Điều Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, cụ thể phần trình độ đào tạo ghi là “lao động phổ thông” hoặc “phổ thông” (chi tiết tại Phụ lục số 02).

2.2.3. Chưa thu hồi số tiền 14.500.000 đồng hưởng TCTN sai quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ (Phạm Văn Quân 6.000.000 đồng, Nghiêm Thị Hồng Diệp 8.500.000 đồng).

2.2.4. Nhà thầu số 01 và Nhà thầu số 02 không thực hiện kê khai số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của NLĐNN cần tuyển để thực hiện gói thầu tại Việt Nam và đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển NLĐNN theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định 152 là không đúng quy định tại khoản Điều 5 Nghị định 152.

2.2.5. Chưa quản lý, thu hồi giấy phép lao động đã hết hiệu lực của NLĐNN thuộc thẩm quyền của Sở LĐTBXH theo quy định tại Điều 20 Nghị định 152.

2.2.6. Có 70 hồ sơ có vị trí công việc là giám đốc điều hành nhưng chức danh công việc ghi tại giấy phép lao động không phải người đứng đầu và trực tiếp điều hành đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 05).

2.2.7. Chấp thuận và cấp giấy phép lao động, xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho 10 NLĐNN làm việc tại các đơn vị, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc làm việc cho các tổ chức quốc tế là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định 152 và điểm a khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 06).

2.2.8. Có 16 hồ sơ cấp giấy phép lao động thiếu thành phần hồ sơ (lý lịch tư pháp, giấy tờ chứng minh kinh nghiệm, thiếu bằng thạc sĩ dành cho giảng viên đại học, thiếu giấy tờ chứng minh là giám đốc điều hành, giấy khám sức khỏe) là chưa đúng quy định tại Điều 9 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 07).

2.2.9. Có 10 hồ sơ thể hiện: giấy phép lao động ghi vị trí công việc, địa điểm làm việc, chức danh công việc không đúng với vị trí công việc, địa điểm làm việc, chức danh công việc tại văn bản chấp thuận, không có báo cáo thay đổi nhu cầu sử dụng lao động của người sử dụng lao động theo quy định tại Điều 4 Nghị định 152, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 08a, 8b).

2.2.10. Có 46 văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động không ghi thời hạn làm việc, quá trình đào tạo và quá trình làm việc của NLĐNN tại Việt Nam theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định 152 là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 09).

2.2.11. Có 04 hồ sơ gia hạn giấy phép lao động có thời gian quá 45 ngày kể từ ngày hết hạn giấy phép lao động là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 11).

2.2.12. Có 358 hồ sơ tại Sở LĐTBXH ý thể hiện: người nộp văn bản đề nghị xác định nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với từng vị trí công việc không đảm bảo trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLĐNN theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 03a); Sở LĐTBXH vẫn tiếp nhận và ban hành văn bản chấp thuận.

2.2.13. Có 806 hồ sơ cấp giấy phép lao động tại Sở LĐTBXH thể hiện: người nộp hồ sơ không đảm bảo trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày NLĐNN dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 04); Sở LĐTBXH vẫn tiếp nhận và thực hiện cấp giấy phép lao động.

2.3. Ban Quản lý

2.3.1. Có 02 văn bản giải trình nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN của người sử dụng lao động không có lý do sử dụng NLĐNN theo Mẫu số 01 quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 152 nhưng Ban Quản lý vẫn chấp thuận (các văn bản số 1812/VINFAST ngày 01/8/2022 của Công ty Cổ phần sản xuất

và kinh doanh VINFAST, số PVN- 202208-022 ngày 02/8/2022 của Công ty TNHH PEGATRON VIỆT NAM).

2.3.2. Từ ngày 01/9/2021 đến ngày 31/5/2022, văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động của người sử dụng lao động không sử dụng Mẫu 11 quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 152 (sử dụng Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ).

2.3.3. Có 185 hồ sơ cấp, gia hạn giấy phép lao động thể hiện: người sử dụng lao động chưa gửi hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động cho Ban Quản lý để thực hiện kiểm tra, đối chiếu với giấy phép lao động mặc dù Ban Quản lý đã ban hành Văn bản số 2892/BQL-LĐ ngày 06/7/2021, số 26/BQL-LĐ ngày 05/01/2023 yêu cầu người sử dụng NLĐNN gửi hợp đồng lao động (văn bản yêu cầu không ghi thời hạn doanh nghiệp phải gửi hợp đồng lao động) (chi tiết tại Phụ lục số 13). Ban Quản lý chưa thực hiện thu hồi giấy phép lao động của các trường hợp này theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 152.

2.3.4. Có 68 giấy phép lao động ghi vị trí công việc là giám đốc điều hành nhưng chức danh công việc ghi tại giấy phép lao động không phải người đứng đầu và trực tiếp điều hành đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là chưa đúng quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 15).

2.3.5. Có 06 hồ sơ tại Ban Quản lý thể hiện: người nộp văn bản đề nghị xác định nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với từng vị trí công việc không đảm bảo trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLĐNN theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 03b); Ban Quản lý vẫn tiếp nhận và ban hành văn bản chấp thuận.

2.3.6. Có 756 hồ sơ cấp giấy phép lao động tại Ban Quản lý thể hiện: người nộp hồ sơ không đảm bảo trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày NLĐNN dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định 152 (chi tiết tại Phụ lục số 14); Ban Quản lý vẫn tiếp nhận và thực hiện cấp giấy phép lao động.

2.4. BHXH thành phố

2.4.1. Tại thời điểm thanh tra, có 34 đơn vị sử dụng lao động nước ngoài chậm đóng tiền BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN với tổng số tiền chậm đóng là 1.504.647.641 đồng thuộc trách nhiệm tổ chức thực hiện thu của BHXH thành phố theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật BHXH (chi tiết tại Phụ lục số 16).

2.4.2. Đoàn thanh tra không lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của Giám đốc BHXH thành phố theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ (chi tiết tại Phụ lục số 17a).

2.4.3. Đoàn thanh tra không lập biên bản vi phạm hành chính để chuyển tới người có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm không thuộc thẩm

quyền xử phạt của Giám đốc BHXH thành phố là không đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ (chi tiết tại Phụ lục số 17b).

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:

Qua thanh tra phát hiện Công ty TNHH Maple sử dụng lao động NLĐNN không đúng với nội dung ghi tại giấy phép lao động. Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH đã ban hành Quyết định số 57/QĐ-XPHC ngày 06/11/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty với số tiền là 15.000.000 đồng.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với UBND thành phố

1.1. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xảy ra thiếu sót trong việc tham mưu và thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về NLĐNN làm việc tại Việt Nam nêu tại điểm 2.1 Mục 2 Phần III Kết luận này.

1.2. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xảy ra thiếu sót nêu tại điểm 2.2 và 2.3 Mục 2 Phần III Kết luận này.

1.3. Chỉ đạo Sở LĐTBXH, BHXH thành phố khắc phục thiếu sót nêu tại điểm 2.2, điểm 2.4 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này.

1.4. Chỉ đạo Sở LĐTBXH và Ban Quản lý phối hợp trong việc tổ chức thực hiện Nghị định số 70/2023/NĐ-CP, đặc biệt các hoạt động chuyển tiếp nhiệm vụ từ Ban Quản lý sang Sở LĐTBXH; có biện pháp bố trí kịp thời nhân sự cho Sở LĐTBXH để đủ nguồn lực thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động nước ngoài làm việc tại thành phố theo quy định của pháp luật.

1.5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực việc làm, BHTN, NLĐNN làm việc tại địa phương; chỉ đạo Sở LĐTBXH chỉ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tại địa bàn thành phố tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sử dụng, quản lý NLĐNN làm việc tại Việt Nam thuộc phạm vi, trách nhiệm của UBND thành phố.

1.6. Niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của UBND thành phố ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra

2. Đối với Giám đốc Sở LĐTBXH

2.1. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân do để xảy ra sai sót nêu tại điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận này.

2.2. Chỉ đạo trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBXH khắc phục thiếu sót nêu tại tiết 2.2.1 và 2.2.2 điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này khi có phát sinh.

2.3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thu hồi dứt điểm số tiền 14.500.000 đồng của 02 người hưởng TCTN sai quy định nêu tại tiết 2.2.3 điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận này.

2.4. Quản lý, thu hồi giấy phép lao động nêu tại tiết 2.2.5 điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận này.

2.5. Khắc phục thiếu sót nêu tại tiết 2.2.4, 2.2.6, 2.2.7, 2.2.8, 2.2.9, 2.2.10, 2.2.11 và 2.1.13 điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận này khi phát sinh; rà soát và đối chiếu từng trường hợp để thực hiện theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 Nghị định 152.

2.6. Để tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về NLĐNN làm việc tại Việt Nam thành phố Hải Phòng, đề nghị Giám đốc Sở LĐTBXH yêu cầu đơn vị sử dụng lao động gửi hợp đồng lao động đã ký với NLĐNN theo giấy phép lao động đã được cấp mới và giấy phép lao động đã được gia hạn để quản lý thời hạn hợp đồng lao động, địa điểm làm việc, vị trí công việc của NLĐNN; nếu đơn vị không thực hiện thì thu hồi giấy phép lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 152.

2.7. Chủ trì, phối hợp với Ban quản lý rà soát từng trường hợp nêu tại điểm 2.3 Mục 2 Phần III Kết luận này để thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định 152.

2.8. Niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của Sở LĐTBXH ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra, khắc phục các vi phạm nêu tại Mục 2, Phần III Kết luận thanh tra này như sau:

3. Đối với Trưởng ban Quản lý

3.1. Kiểm điểm trách nhiệm đối với các cá nhân, tập thể do đã để xảy ra các sai sót nêu tại điểm 2.3 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này.

3.2. Phối hợp với Sở LĐTBXH rà soát từng trường hợp nêu tại điểm 2.3 Mục 2 Phần III Kết luận này để thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định 152.

4. Đối với BHXH Việt Nam

Chỉ đạo BHXH thành phố Hải Phòng khắc phục thiếu sót nêu tại điểm 2.4 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này.

5. Đối với Giám đốc BHXH thành phố

5.1. Kiểm điểm trách nhiệm đối với trưởng đoàn, thành viên Đoàn thanh tra không lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của Giám đốc BHXH thành phố hoặc không chuyển biên bản làm

việc tới cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính nêu tại điểm 2.4 Mục 2, Phần III Kết luận thanh tra này.

5.2. Có biện pháp thu BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN chậm đóng đối với 34 đơn vị sử dụng NLĐNN với số tiền 1.504.647.641 đồng, thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm đối với hành vi chậm đóng nêu tại tiết 2.4.1 điểm 2.4 Mục 2, Phần III Kết luận thanh tra này.

5.3. Khắc phục thiếu sót số 2.4.2, 2.4.3 và 2.4.4 điểm 2.4 Mục 2, Phần III Kết luận thanh tra này khi có phát sinh.

VI. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

Qua thanh tra phát hiện nhiều nội dung của quy định pháp luật hiện hành liên quan đến lĩnh vực quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam chưa phù hợp với thực tiễn, Nghị định số 70/2023/NĐ-CP chưa sửa đổi, bổ sung căn bản những vướng mắc, khó khăn khi triển khai thực hiện Nghị định 152, Thanh tra có kiến nghị cụ thể tại phụ lục số 18 kèm theo.

VII. THỜI HẠN THỰC HIỆN

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này, yêu cầu UBND thành phố Hải Phòng tổng hợp báo cáo của các cơ quan có liên quan, gửi báo cáo (bằng văn bản) kết quả khắc phục các thiếu sót nêu tại Mục 2, Phần III Kết luận thanh tra này về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội)./.

Nơi nhận: *huu*

- UBND thành phố Hải Phòng (đề t/h);
- Bộ trưởng Bộ LĐTBXH (đề b/c);
- Ban Quản lý khu kinh tế tp Hải Phòng (đề t/h);
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (đề c/đ thực hiện);
- Cục Việc làm (đề p/h);
- Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng (đề t/h);
- BHXH thành phố Hải Phòng (đề t/h);
- Công TTĐT Bộ; trang TTĐT TTr Bộ;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Tiến Tùng

